

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- UBND: TỈNH, KH.ĐT, TC, XO, KCN
- UBND huyện, TP
- ĐP: LDP, W: KĐ, Đ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16 /BC-STNMT

Hưng Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

**Về hiện trạng, đề xuất giải pháp xử lý rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
C.V	Số: 129
ĐẾN	Ngày: 12/1/2019
	Chuyên: Đ.Đ.?
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

OK - KT 2 SĐT CĐT

VP Đ.Đ. ND LDP
Nhanh lại CF, CĐT PC

giáo ban

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2923/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; số 2128/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tỉnh giai đoạn 2016-2020; số 300/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Hưng Yên đến năm 2025.

Thực hiện Công văn số 3465/UBND-KT2 ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất của Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11.

Ngày 14/12/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp bàn giải pháp xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị xử lý chất thải: Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị; Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11; Công ty TNHH Sa Mạc Xanh. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh như sau:

1. Kết quả triển khai thực hiện theo quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh và các Đề án bảo vệ môi trường của tỉnh.

1.1. Kết quả thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Hưng Yên đến năm 2025.

- Giai đoạn 2013 - 2017: đã thực hiện đầu tư theo Quy hoạch xây dựng 02 Khu xử lý chất thải tập trung tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm (10ha) phục vụ tiếp nhận rác thải cho các huyện: Văn Lâm, Văn Giang, Mỹ Hào và tại thành phố Hưng Yên (10ha) phục vụ tiếp nhận rác của các xã, phường trên địa bàn thành phố; khoảng 355 bãi chôn lấp rác thải quy mô thôn, xã; thu gom xử lý bằng biện pháp chôn lấp đạt trung bình khoảng 50 - 60% lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên từ năm 2015, UBND tỉnh có chủ trương không xây dựng các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt quy mô thôn, xã do vậy lượng rác thải sinh hoạt của 9 huyện trong tỉnh được thu gom, xử lý tập trung tại Khu xử lý chất thải Đại Đồng, theo số liệu của Công ty URENCO 11 cung cấp năm 2017 đạt trên 300 tấn rác/ngày, năm 2018 đạt 355 tấn rác/ngày; đến ngày 31/12/2018 các ô chôn lấp rác thải của Khu xử lý chất thải Đại Đồng đã được

lắp đầy. Công ty URENCO 11 cũng đã đầu tư 02 lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 100 tấn/lò, do vậy từ ngày 01/01/2019 Khu xử lý chất thải Đại Đồng chỉ có thể tiếp nhận lượng rác thải sinh hoạt tối đa khoảng 200 tấn/ngày.

- Giai đoạn 2018 – 2025: theo quy hoạch toàn tỉnh đầu tư xây dựng vận hành 04 Khu xử lý chất thải tập trung, bao gồm: mở rộng Khu xử lý chất thải thành phố Hưng Yên từ 10ha lên 20ha (ô chôn lấp rác thải số 1 đã đạt trên 90% công suất, ô chôn lấp số 2 diện tích 1,86ha đã xây dựng xong có thể tiếp nhận rác thải); mở rộng Khu xử lý chất thải Đại Đồng từ 10ha lên 30ha; Khu xử lý chất thải Vũ Xá, huyện Kim Động diện tích 20ha và Khu xử lý chất thải Lý Thường Kiệt diện tích 15ha. Kết quả đến nay, Khu xử lý chất thải thành phố Hưng Yên đã hoàn thành việc mở rộng, xây dựng xong ô chôn lấp rác số 2 diện tích 1,86ha đã có thể tiếp nhận rác thải; Khu xử lý chất thải Lý Thường Kiệt, Khu xử lý chất thải Vũ Xá chưa được triển khai thực hiện; mở rộng Khu xử lý chất thải Đại Đồng hiện nay chưa hoàn thành giải phóng mặt bằng.

-Về kinh phí phân bổ thực tế:

+ Giai đoạn 2013 – 2017 nguồn kinh phí được phân bổ thực hiện gần 150 tỷ đồng/495,7 tỷ đồng theo quy hoạch, đạt khoảng 30%.

+ Giai đoạn 2018 – 2025 theo quy hoạch nguồn kinh phí khoảng 927,07 tỷ đồng, trung bình khoảng 116 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên năm 2018 tình phân bổ 66,3 tỷ đồng đạt khoảng 57% so với quy hoạch và chỉ đạt khoảng gần 43% nhu cầu thực tế cho sử dụng công nghệ đốt rác.

1.2. Kết quả thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh: số 2923/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025 và số 2128/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2020.

- Giai đoạn 2016 – 2018: đầu tư xây dựng, vận hành 06 lò đốt rác thải sinh hoạt quy mô liên xã, huyện và kêu gọi đầu tư mở rộng Khu xử lý chất thải Đại Đồng, đầu tư dự án Khu xử lý chất thải Vũ Xá, huyện Kim Động; tăng cường thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình.

- Giai đoạn 2019 – 2020: đầu tư xây dựng thêm 04 lò đốt rác thải nâng tổng số 10/10 huyện, thành phố có lò đốt rác thải đảm bảo môi trường; cùng với các Khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Kết quả, đến nay mới đang đầu tư xây dựng 01 lò đốt rác thải quy mô liên xã công suất 48 tấn/ngày (lò đốt rác thải Dị Sử, huyện Mỹ Hào) dự kiến quý I/2019 đưa vào vận hành (sẽ xử lý được khoảng 7,4% lượng rác thải sinh hoạt của tỉnh); thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đạt 26,06%; Khu xử lý chất thải thành phố Hưng Yên đã xây dựng xong ô chôn lấp số 2 diện tích 1,86ha; Khu xử lý chất thải Đại Đồng đã đóng cửa các ô chôn lấp rác thải từ ngày 01/01/2019, đầu tư 02 lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 200 tấn rác thải/ngày và còn 260 bãi chôn lấp rác thải quy mô thôn, 04 bãi rác thải quy mô xã ở 09 huyện trong tỉnh (có phụ lục kèm theo).

- Về kinh phí thực hiện đề án: Năm 2017 đã bố trí 53,26% kinh phí, năm 2018 bố trí 43% kinh phí so với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong đề án.

1.3. Kết quả thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh hiện nay

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh toàn tỉnh khoảng **650 tấn/ngày** và trong năm 2018, lượng rác thải được thu gom, xử lý đạt khoảng 78% (507 tấn), cụ thể:

- Lượng rác thải phát sinh trên địa bàn thành phố Hưng Yên được xử lý chôn lấp tại Khu xử lý chất thải thành phố: **75 tấn/ngày**

- Lượng rác thải được xử lý tại 89.305 hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ ($89.305 \text{ hộ} * 4 \text{ người} * 0.324 \text{ kg/người} * 0.6 \text{ rác hữu cơ} * 0.6 \text{ thực hiện}$): **khoảng 41,6 tấn/ngày**

- Lượng rác thải xử lý tại 264 bãi chôn lấp của thôn, xã (huyện Văn Giang 07; Yên Mỹ 41; Mỹ Hào 49; Ân Thi 40; Khoái Châu 58; Kim Động 11; Phù Cừ 16; Tiên Lữ 42): **35 tấn/ngày**

- Lượng rác thải của 09 huyện được xử lý tại Khu xử lý chất thải Đại Đồng (chôn lấp): **355 tấn/ngày**, cụ thể tại các huyện: Văn Lâm 23.944 tấn (67 tấn/ngày), Văn Giang 18.135 tấn (50 tấn/ngày), Yên Mỹ 17.146 tấn (48 tấn/ngày), Mỹ Hào 15.424 tấn (43 tấn/ngày), Ân Thi 3.648 tấn (10 tấn/ngày), Khoái Châu 24.895 tấn (69 tấn/ngày), Kim Động 14.430 tấn (40 tấn/ngày), Phù Cừ 4.239 tấn (12 tấn/ngày), Tiên Lữ 6.060 tấn (17 tấn/ngày).

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Còn 22% lượng rác thải sinh hoạt chưa được thu gom, xử lý (khoảng 143 tấn/ngày). Tình trạng đổ, đốt rác thải bừa bãi ở các khu vực công cộng, sông, kênh mương, dọc các tuyến đường giao thông chưa được xử lý dứt điểm; công tác quản lý vận hành các bãi chôn lấp, các điểm tập kết rác thải còn chưa tốt, còn tình trạng đốt rác thải, đổ trộm rác thải công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sức khỏe của người dân.

- Hình thức xử lý rác thải sinh hoạt chủ yếu là chôn lấp; việc đầu tư lò đốt rác thải còn chậm, đến nay mới có 01 lò đốt đang được đầu tư tại xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, dự kiến đến quý I năm 2019 mới đưa vào vận hành.

- Việc triển khai phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn tỉnh còn đạt thấp, trong đó có huyện kết quả thực hiện rất thấp, như huyện Yên Mỹ; huyện Văn Giang; huyện Văn Lâm.

2.2. Nguyên nhân

- Các khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh còn chậm triển khai.

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh ngày càng gia tăng, nhất là tại các huyện: Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Mỹ Hào do thường xuyên có lực lượng lớn lao động từ các tỉnh ngoài vào làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn. Do đó, cần nguồn kinh phí lớn để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước tỉnh bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải còn hạn chế; các huyện, thành phố bố trí rất ít hoặc

không bố trí ngân sách nhà nước cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

- Việc lựa chọn các công nghệ, thiết bị xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp với tính chất rác của tỉnh hiện nay gặp nhiều khó khăn, nhất là việc lựa chọn công nghệ thiết bị lò đốt rác thải, nhiều đơn vị chào hàng các lò đốt rác thải quy mô xã nhưng thiết bị xử lý bụi, khí thải đi kèm không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt còn thấp, chưa đủ để bù đắp chi phí cho việc tổ chức thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác thải, hiện nay mức giá đối với hộ dân từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng/khâu/tháng, hơn nữa tỷ lệ thu được còn thấp, chỉ khoảng 70%.

- Chưa có cơ chế hỗ trợ các hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ như giảm giá, phí vệ sinh môi trường nên chưa khuyến khích, tạo động lực cho các hộ tham gia thực hiện và duy trì thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ.

3. Những thách thức đối với xử lý rác thải sinh hoạt trong thời gian tới

- Từ năm 2019 Khu xử lý rác thải Đại Đồng không chôn lấp rác thải chuyên sang công nghệ đốt rác, đơn giá xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt sẽ tăng gần gấp 02 lần, do vậy nguồn kinh phí cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các huyện từ năm 2019 sẽ tăng gấp 02 lần (*giá chôn lấp rác thải hiện nay là 241.466đ/tấn rác; giá đốt rác thải của công trình được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước là 321.000đ/tấn; giá đốt rác thải của Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11 đã trình Sở Tài chính thẩm định, UBND tỉnh ban hành là 430.000 đ/tấn*). Theo tính toán, riêng trong năm 2019 áp dụng công nghệ đốt rác, đốt rác có tận thu nhiệt thì cần lượng kinh phí khoảng 153,5 tỷ đồng, trong đó chi phí cho đốt rác thải khoảng 102 tỷ đồng, trong khi đó năm 2019 tỉnh phân bổ 66,5 tỷ đồng đáp ứng khoảng 43% nhu cầu thực tế.

- Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11 đã đầu tư 02 lò đốt rác thải sinh hoạt công suất xử lý khoảng 100 tấn/ngày/lò và đi vào hoạt động từ 01/01/2019. Như vậy, ngay từ đầu năm 2019, Khu xử lý chất thải Đại Đồng chỉ xử lý được tối đa 200 tấn/ngày rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày (*giảm 155 tấn rác so với năm 2018*), cùng với lượng rác còn tồn đọng và khoảng gần 143 tấn rác thải không được thu gom triệt để sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

5. Đề xuất giải pháp

Tại cuộc họp ngày 14/12/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị xử lý rác thải sinh hoạt thống nhất các giải pháp xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

5.1. Giải pháp trong trường hợp khẩn cấp

- Khu xử lý chất thải Đại Đồng ưu tiên tiếp nhận, xử lý rác thải phát sinh hàng ngày của 04 huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào.

- Đối với các huyện: Tiên Lữ, Kim Động, Phù Cù, Ân Thi, Khoái Châu, khi các bãi chôn lấp rác thải quy mô thôn, xã không đáp ứng được việc xử lý rác thải phát sinh trên địa bàn và Khu xử lý chất thải Đại Đồng hạn chế tiếp nhận rác thải hoặc không tiếp nhận rác thải của các huyện để xử lý. Đề nghị UBND tỉnh chấp thuận về chủ trương cho phép xử lý rác thải của các huyện này tại ô chôn lấp rác thải của Khu xử lý chất thải thành phố; giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh về khối lượng rác, thời gian vận chuyển và thời gian tiếp nhận xử lý rác thải của các huyện tại Khu xử lý chất thải thành phố.

5.2. Giải pháp cấp bách

- Các huyện sẽ tạm dừng việc vận chuyển, xử lý rác thải tồn đọng ở các bãi rác tạm, điểm tập kết tại Khu xử lý chất thải Đại Đồng; các huyện kiểm tra, gia cố đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, nâng khả năng tiếp nhận rác thải tại các Bãi chôn lấp đang vận hành, đồng thời tăng cường công tác quản lý, vận hành tốt, phun chế phẩm vi sinh, hóa chất khử trùng tại các bãi chôn lấp, điểm tập kết.

- Ưu tiên tiếp nhận, xử lý rác thải phát sinh hàng ngày của 04 huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào tại Khu xử lý chất thải Đại Đồng. Rác thải phát sinh của 05 huyện: Khoái Châu, Kim Động, Ân Thi, Phù Cù, Tiên Lữ sẽ tăng cường xử lý tại các bãi chôn lấp hợp vệ sinh trên địa bàn.

- Công ty TNHH Sa Mạc Xanh sớm đưa dự án thử nghiệm xử lý rác thải phát điện vào vận hành (dự kiến cuối tháng 1 năm 2019 sẽ đưa vào vận hành), cùng với ô chôn lấp rác thải của Khu xử lý chất thải thành phố sẽ tiếp nhận xử lý rác thải sinh hoạt của thành phố và các huyện lân cận: Tiên Lữ, Kim Động, Phù Cù, Ân Thi.

- Các huyện, thành phố tập trung đẩy mạnh phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình nhằm giảm lượng rác thải phải vận chuyển đi xử lý.

5.3. Giải pháp thực hiện trong Quý I năm 2019

- Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ lắp đặt lò đốt rác thải công suất 02 tấn/giờ tại xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, trong quý I năm 2019, đưa lò đốt vào vận hành, sẽ tiếp nhận xử lý rác thải của huyện Mỹ Hào và một phần rác thải của huyện Yên Mỹ.

- Khu xử lý chất thải Đại Đồng sẽ tiếp nhận xử lý rác thải của các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu.

- Các huyện, thành phố khẩn trương triển khai đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt (mỗi huyện, thành phố đầu tư 01 lò đốt).

- Các huyện, thành phố tập trung đẩy mạnh phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình nhằm giảm lượng rác thải phải vận chuyển đi xử lý.

5.4. Giải pháp bền vững

- Các huyện, thành phố tiếp tục tăng cường nhân rộng phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, phấn đấu đến năm 2020 có 50% số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại, xử lý rác thải hiệu quả và tiến tới phổ biến tới toàn bộ số hộ còn lại và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại chỗ; đầu tư lò đốt rác thải quy mô liên xã, huyện.

- Trong năm 2019 và năm 2020 đề nghị nâng công suất dự án xử lý rác thải Dị Sử từ 48 tấn/ngày lên 100 tấn/ngày; đầu tư tại huyện Ân Thi, huyện Phù Cù, huyện Tiên Lữ mỗi huyện 01 lò đốt rác thải công suất từ 50 -100 tấn/ngày (hoặc đầu tư khu xử lý chất thải tập trung tại khu đất quy hoạch 3ha của huyện Phù Cù).

- Điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo đủ để chi phí thực tế của hoạt động này và có quy định giảm giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải đối với các hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ để khuyến khích các hộ thực hiện tốt, giảm lượng rác thải vận chuyển, xử lý.

- Công ty TNHH Sa Mạc Xanh sớm đưa dự án thử nghiệm xử lý rác thải phát điện vào vận hành, tiếp nhận xử lý rác thải sinh hoạt của thành phố, làm cơ sở đánh giá công nghệ, đăng ký, triển khai dự án đầu tư khu xử lý rác thải của tỉnh.

- Phát huy hiệu quả, năng lực của Khu xử lý chất thải tập trung của Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11; Khu xử lý chất thải của thành phố Hưng Yên.

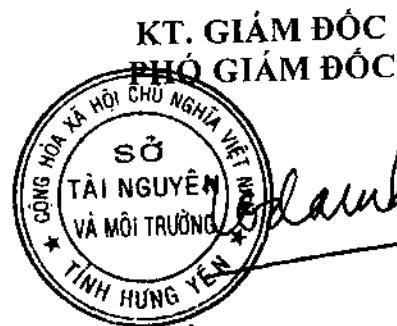
- Các Khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh sớm đưa vào vận hành: Khu xử lý chất thải Đại Đồng mở rộng, Khu xử lý chất thải Vũ Xá. Ngoài áp dụng công nghệ tiên tiến đốt rác thải, đốt rác có tận thu nhiệt, tận dụng tro xỉ làm vật liệu xây dựng, bổ sung diện tích xây dựng ô chôn lấp rác thải dự phòng tại Khu xử lý chất thải Đại Đồng giai đoạn 2.

- Tăng chi ngân sách hàng năm cho sự nghiệp môi trường, trong đó ưu tiên cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đáp ứng yêu cầu thực tế.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, TP (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCBVMT.



Trần Đăng Anh

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/BC-STNMT

Hung Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO

Về chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng từ khi áp dụng Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ đến nay

giáo ban

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 592/TB-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp các thành viên UBND tỉnh ngày 20/12/2017; Công văn số 213/UBND-KT2 ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh về việc tham mưu đề xuất cơ chế giải phóng mặt bằng; Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, báo cáo UBND tỉnh cụ thể như sau:

1. Một số chính sách bồi thường, hỗ trợ chính từ khi triển khai Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ đến nay.

Thi hành Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND tỉnh Hưng Yên đã cụ thể hóa tại các Quyết định:

- Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 quy định một số điểm cụ thể về hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, theo đó hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng tiền bằng 2 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định từ 1,5 đến 5 lần).

- Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 Quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (thay thế Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009), trong đó điều chỉnh mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm lên thành 03 (ba) lần (tăng 01 lần so với Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh).

Thi hành Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. UBND tỉnh Hưng Yên đã cụ thể hóa tại Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 quy định một số trường hợp cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng

Yên, trong đó mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm vẫn giữ nguyên bằng 03 (ba) lần giá đất nông nghiệp cùng loại (không thay đổi so với Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND tỉnh).

2. Tham khảo về giá đất và mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm với một số địa phương lân cận:

STT	Tên tỉnh	Giá đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (lần)	Thành tiền/mét vuông
1	TT Văn Giang, Cừ Cao, Xuân Quan, Phụng Công, TT Như Quỳnh, Tân Quang (cao nhất)	76.000	3	304.000
	Một số xã của huyện Yên Mỹ và Mỹ Hào	71.000		284.000
	Tại huyện Kim Động	61.000		244.000
	Tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù	56.000		224.000
2	Các xã thuộc huyện Gia Lâm giáp với huyện Văn Giang, Văn Lâm	135.000	5	810.000
3	Bắc Ninh	70.000	5	420.000
4	Hải Dương			-
	- Phường tại Thành phố	90.000	2	270.000
	- Thị trấn thuộc huyện	75.000	2	225.000
5	Hà Nam	50.000	2	150.000
6	Thái Bình	42.000	1,5	105.000
7	Vĩnh Phúc			-
	- Thành phố	60.000	2,5	210.000
	- các huyện	55.000	2,5	192.500
8	Bắc Giang			-
	- Thành phố	60.000	3	240.000
	- Thị trấn	52.000	3	208.000
9	Ninh Bình	35.000	2	105.000
10	Quảng Ninh	74.000	2,5	259.000

3. Chính sách bồi thường, hỗ trợ một số tỉnh lân cận

a) Thành phố Hà Nội

Thành phố thành lập Ban chỉ đạo bồi thường giải phóng mặt bằng (Chủ tịch UBND thành phố là trưởng ban) để giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến chính sách giải phóng mặt bằng.

- Giá đất trồng cây hàng năm: được quy định tối đa theo khung giá của Chính phủ và cũng quy định theo các địa bàn (các quận nội thành cao nhất là 252.000đồng/m²; các huyện từ 135.000 đến 162.000 đồng/m²; còn huyện Sóc Sơn, Mỹ Đức, Ba Vì thấp nhất là 108.000 đồng/m²);

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: quy định mức hỗ trợ tối đa theo quy định của Chính phủ bằng **5 lần** giá đất.

- Chính sách hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất tự ý chuyển đổi: thực hiện theo từng dự án, mức hỗ trợ tối đa bằng đơn giá bồi thường.

- Hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng trên đất tự ý chuyển đổi mục đích mà không có văn bản ngăn chặn và được phân theo 2 giai đoạn: Trước 15/10/1993 hỗ trợ 70% đơn giá, từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ 40% đơn giá.

Vì vậy, việc giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản thuận lợi, không gặp khó khăn vướng mắc do giá đất bồi thường và mức hỗ trợ đã áp dụng mức cao nhất theo quy định của Chính phủ và cao hơn hẳn các tỉnh khác.

b) Tỉnh Bắc Ninh

- Giá đất nông nghiệp: được quy định hai mức (trong đề là 70.000đồng/m²; ngoài đề là 50.000 đồng/m²) không quy định chi tiết theo từng vùng, cụm xã theo các huyện;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: quy định mức hỗ trợ tối đa theo quy định của Chính phủ bằng **5 lần** giá đất.

- Chính sách hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất tự ý chuyển đổi: thực hiện theo từng dự án, mức hỗ trợ tối đa (100%) bằng đơn giá bồi thường.

- Hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng trên đất tự ý chuyển đổi mục đích mà không có văn bản ngăn chặn và được phân theo 2 giai đoạn: Trước 15/10/1993 hỗ trợ 80% đơn giá, từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ 50% đơn giá.

Ngoài chính sách bồi thường, hỗ trợ của tỉnh, đối với một số dự án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài để đẩy nhanh tiến độ GPMB, kinh phí do chủ đầu tư tự chi trả (không được đối trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; không được hạch toán vào chi phí thực hiện dự án; địa phương không có văn bản cho phép hỗ trợ).

c) Tỉnh Hải Dương

- Giá đất trồng cây hàng năm: được quy định theo địa bàn phường, thị trấn và xã (phường là 90.000đồng/m², thị trấn là 75.000đồng/m², các xã đồng bằng là 70.000 đồng/m²) không quy định chi tiết theo từng vùng, cụm xã theo các huyện;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: quy định mức hỗ trợ là **2 lần** giá đất.

- Chính sách hỗ trợ cây lâu năm trồng trên đất tự ý chuyển đổi được hỗ trợ tối đa không quá 70% đơn giá bồi thường.

- Hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng trên đất vườn, ao trong cùng thửa đất không được công nhận là đất ở được hỗ trợ tối đa không quá 80% mức bồi thường.

- Nhà ở, công trình khác xây dựng trên đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (xây dựng trước ngày 01/7/2004) được hỗ trợ tối đa không quá 70% mức bồi thường; xây dựng sau ngày 01/7/2004 thì không được hỗ trợ, người có công trình phải tự tháo dỡ.

- Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, nếu xây dựng trước ngày 01/7/2004, thời điểm xây dựng không vi phạm quy hoạch, hành lang bảo vệ công trình đã được cắm mốc thì được hỗ trợ không quá 60% mức bồi thường; xây dựng sau ngày 01/7/2004 thì không được hỗ trợ, người có công trình phải tự tháo dỡ. Trường hợp tại thời điểm xây dựng vi phạm quy hoạch, hành lang bảo vệ công trình đã được cắm mốc thì không được hỗ trợ, người có công trình phải tự tháo dỡ.

Ngoài chính sách bồi thường, hỗ trợ nêu trên, đối với các dự án thu hồi đất nông nghiệp trên địa giới hành chính phường và một số dự án đặc biệt, liên ngành Tài chính, TNMT, Xây dựng, Cục Thuế, UBND huyện (thành phố) hợp thống nhất phương án báo cáo UBND tỉnh thực hiện cơ chế hỗ trợ khác (áp dụng quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các khoản hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất); mức hỗ trợ được UBND tỉnh Hải Dương có Văn bản chấp thuận là 40.000đồng/m², một số dự án đặc biệt được điều chỉnh tăng mức hỗ trợ khác lên 75.000đồng/m².

Quan điểm của tỉnh Hải Dương là không khuyến khích việc chủ đầu tư tự nguyện hỗ trợ người có đất bị thu hồi, vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến các dự án khác trên địa bàn.

d) Tỉnh Vĩnh Phúc

- Giá đất trồng cây hàng năm: được quy định theo địa bàn thành phố và các huyện (thành phố là 60.000đồng/m², các huyện là 55.000 đồng/m²) không quy định chi tiết theo từng vùng, cụm xã theo các huyện;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: quy định mức hỗ trợ là 2,5 lần giá đất.

- Thương GPMB nhanh: theo từng đối tượng và từng dự án cụ thể (mức cao nhất đã tính hỗ trợ là 27.000đồng/m²), Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

- Thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư không được công nhận là đất ở bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó.

- Nhà ở, công trình xây dựng khác của hộ gia đình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ cao nhất bằng 80% mức bồi thường.

- Đối với cây trồng trên đất tự ý chuyển đổi, không quy định mức hỗ trợ cụ thể tại Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh nhưng được đề suất và áp dụng theo từng dự án, mức hỗ trợ cao nhất bằng 100 đơn giá bồi thường.

Các vướng mắc, khó khăn khác về GPMB của dự án đặc biệt, các sở ngành tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ khác cho từng trường hợp cụ thể. Như hỗ trợ án sinh, mức cao nhất là 20 triệu/sào (tương đương 55.000 đồng/m²)

Ngoài chính sách bồi thường, hỗ trợ của tỉnh, đối với một số dự án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài để đẩy nhanh tiến độ GPMB, kinh phí do chủ đầu tư tự chi trả (không được đối trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; không được hạch toán vào chi phí thực hiện dự án; địa phương không có văn bản cho phép hỗ trợ).

4. Nhận xét, đánh giá về cơ chế bồi thường, hỗ trợ so với một số tỉnh.

- Về giá đất nông nghiệp: Giá đất của tỉnh Hưng Yên thấp hơn so với các xã giáp ranh của huyện Gia Lâm, Hà Nội (bằng khoảng 56%), tương đương với Hải Dương, cao hơn Bắc Ninh và Vĩnh Phúc.

- Mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm của tỉnh Hưng Yên (3 lần), thấp hơn Hà Nội và Bắc Ninh (5 lần) nhưng cao hơn so với các tỉnh còn lại (Hải Dương 2 lần, Vĩnh Phúc 2,5 lần, Hà Nam 2 lần, Thái Bình 1,5 lần).

- Tổng mức bồi thường, hỗ trợ về đất của tỉnh Hưng Yên khoảng 110-120 triệu/sào, thấp hơn so với các xã giáp ranh của huyện Gia Lâm, Hà Nội (khoảng 300 triệu/sào) và thấp hơn tỉnh Bắc Ninh (khoảng 151 triệu/sào) nhưng cao hơn Vĩnh Phúc (khoảng 90 triệu/sào, có dự án đặc thù có hỗ trợ an sinh, mức cao nhất là 20 triệu/sào) và cao hơn mức trung bình của tỉnh Hải Dương (khoảng 80-100 triệu/sào, một số dự án trên địa bàn phường và dự án đặc biệt có hỗ trợ khác khoảng từ 15 – 30 triệu/sào).

- Đối với việc hỗ trợ nhà, công trình xây dựng khác và cây cối hoa màu trồng trên đất tự ý chuyển đổi, trên đất không đủ điều kiện bồi thường của tỉnh ta thấp hơn các tỉnh (Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương)

- Đối với đơn giá bồi thường về cây trồng: Một số loại cây của tỉnh ta đơn giá cao hơn nhiều so với các tỉnh như nhãn, chanh, quýt, quất, cam thường.

Hưng Yên:

- + Nhãn đường kính gốc >30cm là **4.500.000đồng**
- + Vải, mít, sấu đường kính gốc >30cm là 750.000đồng
- + Cam đường canh đường kính gốc >20cm là 2.500.000đồng
- + Bưởi hoàng, năm roi, diễn đường kính gốc >20cm là 2.200.000đồng
- + Bưởi khác đường kính gốc >20cm là 1.100.000đồng
- + Chanh, quýt, quất, cam khác đường kính gốc >20cm là **1.000.000đồng**

Bắc Ninh:

- + Nhãn, vải thiều đường kính >40cm là **1.500.000đồng**
- + Sấu, xoài, mít đường kính >40cm là 1.200.000đồng
- + Bưởi đường kính >30cm là 600.000đồng
- + Cam đường kính >25cm là **450.000đồng**

Vĩnh Phúc

- + Sấu, mít đường kính >40cm, tán 25m² là 1.000.000đồng
- + Cam thường, quýt, quýt, chanh (đang thu hoạch) đường kính >5cm, tán 10m² là 300.000đồng

Hà Nội:

- + Nhân, vải đường kính >35cm, cao >3m là 1.600.000đồng
- + Hồng xiêm, vú sữa, bưởi đường kính >30cm, cao >6m là 660.000đồng
- + Cam, chanh, quýt, quýt đường kính >30cm, cao >1,5m là 600.000đồng

Hải Dương:

- + Vải (trồng tại huyện Thanh Hà) có đường kính tán lá >15m là 3.500.000đồng
- + Vải (trồng tại huyện khác) có đường kính tán lá >15m là 3.300.000đồng
- + Nhân có đường kính tán lá >12m là 3.800.000đồng
- + Chanh, quýt, quýt ăn quả đường kính tán lá >12m là 300.000đồng
- + Bưởi đường kính tán lá >25m là 750.000đồng
- + Cam đường kính tán lá >6m là 600.000đồng

5. Thực trạng công tác giải phóng mặt bằng

Từ khi triển khai thực hiện Nghị định 69/2009/NĐ-CP đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã thực hiện giải phóng mặt bằng được 748/873 dự án với diện tích 1.982,78 ha/2.545,95ha, đạt 77,9% diện tích. Trong số 125 dự án đang triển khai thực hiện có 65 dự án mới triển khai từ năm 2017.

- Các dự án đang giải phóng mặt bằng: 125 dự án đang triển khai giải phóng mặt bằng, trong đó có 63 dự án nhà nước thu hồi đất đang triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng với tổng diện tích thực hiện dự án là 450,7ha, cụ thể có 7 dự án thuộc huyện Văn Giang với diện tích 170,9ha (trong đó dự án của Công ty TNHH Xuân Cầu là 144ha), có 13 dự án thuộc huyện Văn Lâm với diện tích 58,7ha, có 8 dự án thuộc thành phố Hưng Yên với diện tích 36,3ha, có 12 dự án thuộc huyện Mỹ Hào với diện tích 24,6ha, có 9 dự án thuộc huyện Yên Mỹ với diện tích 45,4ha, ... và 62 dự án giải phóng mặt bằng dưới dạng Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân với diện tích 112,33 ha.

- Kế hoạch thực hiện trong năm 2018: Tổng số có 698 dự án thuộc đối tượng Nhà nước thu hồi đất với tổng diện tích là 3.521ha, trong đó tại huyện Văn Giang có 58 dự án với diện tích 714,6 ha, huyện Văn Lâm có 120 dự án với diện tích 415,8ha.

- Trong quá trình giải phóng mặt bằng còn có một số dự án khó khăn, vướng mắc đặc biệt đối các dự án lớn, các khu đô thị trên địa bàn huyện Văn Giang và một số xã của huyện Văn Lâm (khu vực giáp ranh với Hà Nội và Bắc Ninh), nguyên nhân chủ yếu:

+ Người dân so sánh tổng mức bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất còn thấp hơn nhiều so với các xã giáp ranh của huyện Gia Lâm – Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh đồng thời so sánh đối với một số dự án nhận chuyển nhượng (chủ đầu tư tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng cao hơn so với chính sách bồi thường, hỗ trợ hiện hành của tỉnh). Vì vậy người dân vẫn chưa đồng thuận cao và đề nghị nâng mức giá bồi thường, hỗ trợ để tổng mức bồi thường, hỗ trợ tương đương so với huyện Gia Lâm và tỉnh Bắc Ninh (giáp ranh với Hưng Yên).

+ Trong những năm gần đây một số địa phương đã được phê duyệt quy hoạch phát triển một số khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố ảnh hưởng nên các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị nêu trên sau nhiều năm quy hoạch nhưng chưa triển khai được nên một số hộ vẫn tiếp tục đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng; thời điểm chuyển đổi của các hộ chính quyền cơ sở cũng chưa kiên quyết ngăn chặn. Theo Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 06/11/2017 của UBND huyện Văn Giang thì thu nhập bình quân của một số hộ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đạt 500-700 triệu/ha/năm. Một số hộ cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để trồng rau màu, hoa cây cảnh với giá 20-30 triệu đồng/sào/năm.

⁴¹ Khi nhà nước thu hồi đất chỉ hỗ trợ đối với cây cối, tài sản là chuồng trại chăn nuôi xây dựng trên đất tự ý chuyển đổi mức 30% đơn giá bồi thường là chưa phù hợp với tình hình thực tế, còn bất cập do một số khu vực người nông dân sau khi được giao ruộng đất lâu dài đã đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ruộng đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao vì có lợi thế tiếp giáp Thủ đô Hà Nội, đồng đất màu mỡ, việc lưu thông hàng hóa thuận lợi như một số xã của huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu, Yên Mỹ, ... Nhiều địa phương đã được khen thưởng trong phong trào đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Thực tế triển khai bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Đông huyện Văn Giang (tại xã Long Hưng) do phương án đã phê duyệt từ năm tháng 12 năm 2012 đến cuối năm 2017 mới tiếp tục thực hiện chi trả tiền nên ngoài kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã duyệt, Chủ đầu tư tự nguyện thanh toán thêm một khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi. Tính ra tổng mức bồi thường, hỗ trợ cả đất và cây cối hoa màu khoảng 250 triệu/sào tương đương khoảng 690.000đồng/m², trong đó tính riêng đối với đất khoảng 160 triệu/sào tương đương 435.000đồng/m².

Theo khảo sát của UBND huyện Văn Giang thì khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn huyện, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và thường tiến độ của chủ đầu tư tính trên một sào khoảng 250 triệu (trong đó tính riêng đối với đất khoảng 190-200 triệu/sào tương đương 550.000đồng/m² đất) người sử dụng đất mới đồng thuận.

Tại buổi làm việc với UBND huyện Văn Giang và một số chủ đầu tư đang triển khai thực hiện dự án trên địa bàn huyện Văn Giang, các ý kiến đều đề nghị UBND tỉnh nâng giá đất nông nghiệp đối với các xã giáp ranh với huyện Gia Lâm, nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm và điều chỉnh mức hỗ trợ cây cối, chuồng trại trên đất nông nghiệp tự ý chuyển đổi không phù hợp với quy hoạch tính theo thực tế.

7. Kiến nghị đề xuất

Để đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Văn Giang, Văn Lâm (khu vực giáp ranh với Hà Nội và Bắc Ninh) bớt khó khăn, vướng mắc; tạo được sự đồng thuận với người dân có đất bị thu hồi đồng thời cũng không ảnh hưởng nhiều đến các dự án đang triển khai và sẽ triển khai trên địa bàn các huyện, thành phố còn lại. Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND như sau:

7.1. Về đất đai

- Phương án 1:

+ Điều chỉnh giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm lên khoảng 108.000 đồng/m² (tương đương 80% so với giá đất của các xã giáp ranh thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) đối với các xã, thị trấn (Xuân Quan, Phụng Công, Cửu Cao, Nghĩa Trụ, Long Hưng, Tân Tiến, Liên Nghĩa, Mỹ Sở và thị trấn Văn Giang) thuộc huyện Văn Giang và các xã, thị trấn (Tân Quang và thị trấn Như Quỳnh) thuộc huyện Văn Lâm. Các xã còn lại của huyện Văn Giang là 80.000 đồng/m²; các xã Lạc Hồng, Đình Dù, Trung Trác) của huyện Văn Lâm là 80.000 đồng/m², các xã còn lại của huyện Văn Lâm giữ nguyên mức 71.000 đồng/m² và 66.000 đồng/m². Đất cây lâu năm bằng cây hàng năm cộng 15.000 đ/m².

- **Phương án 2:** Giữ nguyên giá đất, Nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm từ 3 lần giá đất quy định trong bảng giá đất lên thành 5 lần (mức tối đa so với quy định của Chính phủ).

- **Phương án 3:** Giữ nguyên giá đất, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm nhưng thực hiện hỗ trợ khác bằng hình thức hỗ trợ phục hồi sinh kế

Thực hiện cơ chế phục hồi sinh kế để hỗ trợ đối với các hộ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến đời sống sản xuất, đặc biệt là hỗ trợ các đối tượng không có khả năng tìm kiếm việc làm mới hoặc chuyển đổi sang làm nghề khác; hỗ trợ các đối tượng là người cao tuổi có hoàn cảnh leo đơn bằng các hình thức hỗ trợ bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe và trợ cấp đảm bảo mức sống trung bình. Bằng hình thức này sẽ hỗ trợ họ đầu tư, phát triển để nâng cao thu nhập, ổn định đời sống trên chính quê hương mình và trên chính phần diện tích đất nông nghiệp còn lại. Tùy theo từng dự án, mức độ khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, UBND huyện, thành phố hoặc tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB báo cáo UBND tỉnh giao cho các sở, ngành nghiên cứu đề

xuất mức hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền được quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ quyết định theo từng dự án và không vượt quá 130.000 đồng/m² (không vượt quá số tăng lên tại phương án 1)

- **Phương án 4:** Giữ nguyên giá đất, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm nhưng thực hiện hỗ trợ khác cho các dự án phát triển đô thị

Khi chuyển mục đích sử dụng đất của các dự án đô thị, tỉnh sẽ thu tiền sử dụng đất của các nhà đầu tư, đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách tỉnh; Do vậy sẽ điều tiết lại một phần tiền sử dụng đất để hỗ trợ cho người có đất thu hồi nhằm ổn định sản xuất và thu nhập để khích lệ người dân ủng hộ cho sự phát triển của tỉnh. Việc hỗ trợ quyết định theo từng dự án và mức hỗ trợ thêm không vượt quá hai lần giá đất (tức là tổng mức hỗ trợ không quá 5 lần mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo quy định của Chính phủ)

7.2. Về tài sản, cây cối hoa màu

+ Điều chỉnh mức hỗ trợ cây cối, chuồng trại trên đất nông nghiệp tự ý chuyển đổi không phù hợp với quy hoạch từ 30% lên 80%. Đối với chuồng trại áp dụng bằng đơn giá xây mới theo thông báo của Sở Xây dựng.

+ Giao Sở Tài chính chủ trì khảo sát lại đơn giá cây trồng cho phù hợp (đơn giá bồi thường một số loại cây của tỉnh Hưng Yên cao hơn nhiều so với các tỉnh lân cận, đặc biệt là các loại cây cam, quýt, bưởi, quýt, nhãn ...)

Cây mới trồng có đường kính gốc lớn nhưng không có tán, cây mới trồng có biểu hiện trồng để trục lợi đền bù thì chỉ hỗ trợ di chuyển

8. Đánh giá tác động của các phương án

- **Trường hợp chọn phương án 1:** Tổng mức bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm tại xã có giá đất cao nhất của Văn Giang và Văn Lâm bằng 432.000đồng (tương đương 155,5 triệu/sào), ngoài ra tùy từng dự án có thể cho phép hỗ trợ khác khoảng 36 triệu/sào (hỗ trợ này thuộc mục hỗ trợ khác được UBND tỉnh quyết định chấp thuận và được tính đối trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp) để đạt tổng mức bồi thường, hỗ trợ khoảng 190 triệu/sào. Đối với các huyện thấp nhất là Phù Cừ, Tiên Lữ vẫn giữ nguyên bằng 224.000đồng (tương đương 80,6 triệu/sào).

Phương án này có ưu điểm là không làm ảnh hưởng đến mức bồi thường, hỗ trợ đối với các dự án triển khai trên địa bàn các huyện khác; ngân sách tỉnh cũng không phải chi nhiều cho việc bồi thường, hỗ trợ so với phương án 2. Vì trên thực tế công tác GPMB chủ yếu khó khăn, vướng mắc lớn tập trung ở huyện Văn Giang và một số xã của huyện Văn Lâm, Yên Mỹ (các địa phương này giáp ranh với Hà Nội, tốc độ phát triển kinh tế nhanh, quỹ đất còn ít mặt khác người dân có thu nhập tương đối cao từ sản xuất nông nghiệp). Còn các huyện khác mức bồi thường, hỗ trợ hiện tại cơ bản phù hợp.

- **Trường hợp chọn phương án 2:** Tổng mức bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm tại xã có giá đất cao nhất của Văn Giang và Văn Lâm bằng 456.000đồng (tương đương 164,1 triệu/sào), đối với các huyện thấp nhất là Phù Cừ, Tiên Lữ bằng 336.000đồng (tương đương 121 triệu/sào).

Ngoài việc ngân sách tỉnh phải chi nhiều cho công tác giải phóng mặt bằng, việc lựa chọn phương án 2 sẽ ảnh hưởng lớn đến các dự án đang thực hiện dở dang (kinh nghiệm thực tế đã xảy ra khi thực hiện Nghị định 69/2009/NĐ-CP), có những dự án vướng mắc kéo dài đến nay chưa thực hiện xong.

- **Trường hợp áp dụng phương án 3:**

+ Ưu điểm của phương án này là hỗ trợ đúng cho đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc bị mất đi tư liệu sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, nguồn thu mất ổn định và không có điều kiện để phát triển theo ngành nghề mới.

+ Nhược điểm là không phải ai khi Nhà nước thu hồi đất cũng được hỗ trợ, mức hỗ trợ không hoàn toàn phụ thuộc vào diện tích đất thu hồi và tính bình quân trên diện tích mà được đánh giá theo nhóm đối tượng bị ảnh hưởng nên dễ gây mâu thuẫn, so bì giữa các hộ bị thu hồi đất; mặt khác cũng tạo ra những kẽ hở trong công tác rà soát, xác định đối tượng ở địa phương. Cơ chế hỗ trợ này chỉ phù hợp để áp dụng đối với những dự án lớn, phạm vi thu hồi đất rộng, tỷ lệ diện tích của các hộ bị thu hồi lớn mới ảnh hưởng nhiều đến người bị thu hồi đất.

Vì vậy trường hợp áp dụng phương án này cũng nên áp dụng hỗ trợ bình quân theo diện tích (tính theo m² đất thu hồi) tạo sự công bằng giữa những người khi Nhà nước thu hồi đất.

- **Trường hợp áp dụng phương án 4:** Phương án này ổn định môi trường để thu hút đầu tư, tiết kiệm ngân sách tỉnh, tuy nhiên sẽ có mâu thuẫn, bất cập khi thực hiện. Theo quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất không phân biệt về mức bồi thường, hỗ trợ đối với các dự án. Việc áp dụng phương án này sẽ nảy sinh các thắc mắc khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án khác.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCQLDD ^{GPMB}

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phú

Số: 44 /BC-STNMT

Hung Yên, ngày 25 tháng 01 năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 1296
ĐẾN	Ngày: 29/1/2019
	Chuyên: 0.12
	Lưu hồ sơ

BÁO CÁO
Về địa điểm đặt cơ sở đào tạo tôn giáo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 3355/UBND-NC ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh về việc thẩm định địa điểm dự kiến đặt cơ sở đào tạo tôn giáo. Ngày 30/11/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức buổi làm việc với Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, UBND huyện Kim Động, UBND xã Phạm Ngũ Lão và Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh để xem xét địa điểm dự kiến đặt Trường trung cấp Phật học của Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh như sau:

Vị trí dự kiến xin chấp thuận địa điểm đặt cơ sở đào tạo tôn giáo - Trường trung cấp Phật học tỉnh Hưng Yên, tại khu đất Chùa Tiên Quán : gồm: khu đất đang sử dụng là 8.525 m² đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc địa phận xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động; khu đất xin mở rộng có diện tích là 4.708 m² (đã được UBND tỉnh đồng ý thu hồi đất tại Thông báo số 243/TB-UBND ngày 29/6/2012. UBND huyện Kim Động đã ra Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân. Chưa hoàn thiện hồ sơ giao đất).

Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh dự kiến xin chấp thuận địa điểm đặt cơ sở đào tạo tôn giáo (như cầu sử dụng đất khoảng 7.170 m² để xây dựng: Nhà Giảng đường, Nhà Trai đường, phòng họp của Ban Giám hiệu, phòng lưu trú của giảng viên, phòng lưu trú của Tăng ni sinh nội trú, sân hoạt động thể dục thể thao ngoài trời, công viên nhỏ,....).

Vị trí khu đất trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016-2020) của tỉnh Hưng Yên được Chính phủ phê duyệt quy hoạch là đất cơ sở tôn giáo, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Sở Tài nguyên và Môi trường cùng Sở Xây dựng, Sở Nội vụ và UBND huyện Kim Động cùng Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh thống nhất đề xuất địa điểm khu đất dự kiến đặt cơ sở đào tạo tôn giáo với nhu cầu sử dụng đất khoảng 7.170 m² thuộc địa phận xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội phật giáo tỉnh, quỹ đất của địa phương, quyết định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016-2020) của tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh:

- Chấp thuận địa điểm khu đất dự kiến đặt cơ sở đào tạo tôn giáo (Trường trung cấp Phật học tỉnh Hưng Yên) với nhu cầu sử dụng đất khoảng 7.170 m² thuộc địa phận xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động.

OK - K12
tên ND bị quên
C. M. PCT

- Đề nghị Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh hoàn thiện thủ tục trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư mở rộng Chùa Tiên Quán; phối hợp với UBND huyện Kim Động để hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với khu đất mở rộng Chùa Tiên Quán.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận: /

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCQLĐD (QH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Đặng Xuân Lương